

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH G**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HSST
Ngày 16/01/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH G**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị D

-Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Võ Thị Phương L

+ Bà Tạ Thị H

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Ngô Thị G – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh G.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh G tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị L - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 01 năm 2025 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh G xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 47/2024/HSST, ngày 06 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2024/HSST-QĐ, ngày 27 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Rô N, sinh ngày 31/12/2000 tại huyện K, tỉnh G; Trú tại: Buôn K, xã C, huyện K, tỉnh G; Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ học vấn: 0/12; Dân tộc: Jrai; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Ksor S và bà R Ô H'J, bị cáo là con thứ 4 trong gia đình có 07 anh chị em.

Tiền án: 01, ngày 22/11/2021 bị Tòa án nhân dân huyện P xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 13/4/2022 chấp hành xong hình phạt tù, chưa nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/9/2024 và giam liên tục cho đến nay, hiện có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

Bà Lê Thị C, sinh năm 1984; trú tại: Buôn Đ, xã C, huyện K, tỉnh G, vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

-Người bào chữa cho bị cáo Rô N: Bà Ngô Thị V – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh G, có mặt.

-Người làm chứng:

Anh Lê Văn T, sinh năm 2006; trú tại: Buôn Đ, xã C, huyện K, tỉnh G, vắng mặt.

Anh Rô X, sinh năm 2002; trú tại: Buôn K, xã C, huyện K, tỉnh G, vắng mặt.

- Người phiên dịch tiếng Jrai: Anh Nay Dăm T, sinh năm 1986; Trú tại: Tổ dân phố 3, thị trấn P, huyện K, tỉnh G, có mặt.

NHẬN THẤY:

Vào khoảng 23 giờ ngày 10/5/2024, Rô N mang theo một chiếc tua vít đi bộ theo hướng từ xã Ia Rsai về xã Chư Gu với mục đích tìm xe mô tô để trộm cắp. Khi Rô N đi đến trước nhà bà Lê Thị C thuộc buôn Đoàn Kết, xã Chư RCầm thì thấy có một chiếc xe mô tô biển kiểm soát 81AM - 021.18 dựng trước sân nhà. Thấy không có người trông coi, Rô N đi bộ lại gần dắt chiếc xe mô tô biển kiểm soát 81AM -021.18 ra đường liên thôn rồi dùng tua vít tháo dây nối ổ khóa của xe mô tô, Rô N nổ máy và điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 81AM- 021.18 đi về hướng xã Ia Rsum. Tối hôm sau, Rô N điều khiển xe mô tô trên ra bờ sông Ba thuộc buôn K, xã C, Rô N dùng tua vít tháo bửng ngoài xe, biển số xe, ông xả vớt xuống sông cùng chiếc tua vít, sau đó Rô N dùng xe mô tô này để làm phương tiện đi lại.

Đến ngày 12/5/2024, Rô N đang điều khiển xe mô tô trên chở Rô X, Rô H cùng trú tại buôn K, xã C đi chơi. Khi đến thôn H, xã I, huyện K thì bị anh Lê Văn T, con của bà Lê Thị C phát hiện nên cùng người dân giữ X và H lại, N vùng vẫy được và bỏ chạy. Đến ngày 09/9/2024, Rô N đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K làm việc và thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

* Tại bản kết luận định giá tài sản số: 17 ngày 15/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng huyện K xác định chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 81AM - 021.18, nhãn hiệu DEALIMIKD, màu đen, có số khung: RLPGCB5UMNB003669, số máy: VZS139FMB64003669, xe đã qua sử dụng, có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

* Tại bản kết luận định giá tài sản số: 29 ngày 25/9/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện K xác định các bộ phận của xe mô tô biển kiểm soát: 81AM - 021.18 gồm: Bộ phận giảm thanh, giảm khói; biển số xe; đèn chiếu sáng trước; bộ vỏ nhựa bảo vệ xe gồm: Ốp ống yếm trung tâm, mặt nạ trước, chắn bùn trước, cánh yếm, ốp ống yếm, đã qua sử dụng, có trị giá là 850.000 đồng.

Về vật chứng vụ án:

01 (một) xe mô tô nhãn hiệu DEALIMIKD, màu đen, có số khung: RLPGCB5UMNB003669, số máy: VZS139FMB64003669 có đặc điểm như sau: Xe đã qua sử dụng; biển số xe, bộ phận giảm thanh, hộp bảo vệ nhông sên, đèn chiếu sáng, gạt chắn bùn bánh trước bị tháo mất; chiếc xe mô tô trên trả lại cho chủ sở hữu là bà Lê Thị C.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu

Bản cáo trạng số 57/CT-VKS ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh G truy tố bị cáo Rô N về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Rô N về tội “*Trộm cắp tài sản*”, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây gọi tắt là HĐXX):

Áp dụng khoản 1, Điều 173, điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 BLHS, xử phạt bị cáo Rô N từ 09 tháng đến 01 năm tù.

Về dân sự: Người bị hại không yêu cầu

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

Quan điểm bào chữa của người bào chữa cho bị cáo: đồng ý với bản luận tội của đại diện VKSND huyện Krông Pa về tội danh, điều luật áp dụng, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng đối với bị cáo. Người bào chữa đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo 09 tháng tù.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:

Cơ quan điều tra Công an huyện K, tỉnh G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội và tội danh của bị cáo: Vào khoảng 23 giờ 00 phút, ngày 10/5/2024 lợi dụng đêm tối và sự sơ hở của chủ sở hữu, Rô N đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô nhãn hiệu DEALIMIKD, màu đen, biển kiểm soát 81AM-021.18 của bà Lê Thị C, trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 4.000.000 đồng. Sau khi trộm cắp xong thì bị cáo dùng tua vít tháo bửng ngoài xe, biển số xe, ống xả vứt xuống sông gây thiệt hại giá trị 850.000 đồng.

Lời nhận tội của bị cáo Rô N tại phiên tòa phù hợp với nội dung của bản cáo trạng, lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. HĐXX có đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo Rô N đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân

dân huyện K truy tố bị cáo Rô N về hành vi theo tội danh trên là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[3] *Về tình tiết định khung tăng nặng*: Ngày 22/11/2021 bị Tòa án nhân dân huyện P xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 13/4/2022 chấp hành xong hình phạt tù, chưa nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng “tái phạm” quy định tại điểm h, khoản 1 Điều 52 BLHS.

[4] *Về tính chất, mức độ hành vi, các tình tiết giảm nhẹ, trách nhiệm hình sự và hình phạt*:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội. Bị cáo Rô N là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được sự nguy hiểm của hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, vì ham chơi, lười lao động, muốn hưởng thành quả trên sức lao động của người khác mà bị cáo phạm tội. Bị cáo trước đó đã có hành vi trộm cắp tài sản, tuy chưa được xóa án tích nhưng lại tiếp tục phạm tội. Qua đó thấy được ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo không có, hình phạt trước đây chưa đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo. Do vậy, hành vi của bị cáo cần phải được xét xử nghiêm theo quy định của pháp luật mới đảm bảo tính trừng trị, răn đe đối với bị cáo và cũng cho bị cáo cơ hội sửa chữa sai lầm để trở thành người công dân có ích cho xã hội.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, nhận thức về pháp luật còn hạn chế. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS cần được áp dụng khi lượng hình đối với bị cáo.

Do đó, xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, luận cứ của người bào chữa cho bị cáo là phù hợp nên HĐXX xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Đối với Rô X và Rô H không biết chiếc xe do Rô N điều khiển chở mình là do phạm tội mà có, nên hành vi cùng Rô N sử dụng chiếc xe mô tô trên của X và H không cấu thành tội “Không tố giác tội phạm” theo Điều 390 Bộ luật hình sự cũng như các tội danh khác.

[5] *Về trách nhiệm dân sự*: Người bị hại không yêu cầu bồi thường

[6] *Về án phí*: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định

[7] *Về hình phạt bổ sung*: Không áp dụng đối với bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Rô N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Rô N 10 (*mười*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 09/9/2024.

2. Căn cứ vào Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Rô N phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án (16/01/2025), người bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án Nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai (01 bản);
- VKSND h. Krông Pa (02 bản);
- Công an h. Krông Pa (01 bản);
- Bị cáo (01 bản);
- Bị hại; đương sự;
- Người bào chữa (01 bản);
- Chi cục THADS h. Krông Pa (01 bản);
- Lưu HS vụ án, THA hình sự (02 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị D

